TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-ST
Ngày: 25-9-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và bảo lãnh)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 2 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và bảo lãnh)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Lâm Thị Kiều O, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông N yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/2/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Do có có mỗi quan hệ quen biết từ trước, sáng ngày 30/8/2018, bà O đến nhà bà H hỏi mượn số tiền 40.000.000 đồng để làm vốn làm ăn nhưng bà O có không có tài sản, nhà cửa gì nên bà H không đồng ý cho mượn.

Sau đó bà O có nói là có dì út tên Lâm Thị Nhvà dượng út là Lê Văn N có tài sản đồng ý bảo lãnh cho khoản vay của bà O. Bà H nói nếu có vợ chồng bà Nhung bảo lãnh thì bà mới đồng ý cho mượn tiền. Lúc đó bà Nh đang chăm mẹ ốm ở bệnh viện không lên được nên để cho chồng là Lê Văn N đến nhà bà H. Chiều ngày 30/8/2018, bà O và ông N đến nhà bà H, khi ông N đến bà H đã giải thích cho ông N về việc nếu ông N ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền mà bà O không trả được tiền thì ông N phải có trách nhiệm trả. Ông N chỉ cười rồi ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền. Theo nội dung giấy mượn tiền, bên mượn tiền là bà O, ông N, số tiền mượn là 40.000.000 đồng, thời hạn mượn đến ngày 31/10/2018, không có thỏa thuận lãi xuất. Sau khi ông N, bà O ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền thì bà H để đủ tiền trên bàn ông N và bà O đếm tiền đủ rồi ông N giao hết tiền cho bà O và ra về.

Tuy nhiên, đến thời hạn, bà O vẫn không trả nợ, bà H có xuống nhà ông N yêu cầu trả nợ nhưng bà Nh vợ ông N nói đó là do bà O mượn tiền nên bà O phải có trách nhiệm trả nên không đồng ý thanh toán.

Sau nhiều lần bà H yêu cầu ông N, bà O trả nợ nhưng ông N, bà O vẫn không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu ông N, bà O phải thanh toán cho bà H số tiền là 40.000.000 tiền gốc và tiền lãi chậm trả từ ngày 31/10/2018 đến ngày 31/01/2019 là 1.200.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà H chỉ yêu cầu bà O, ông N thanh toán số tiền gốc là 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra bà H không có ý kiến nào khác.

** Theo bản tự khai ngày 10/5/2019 và biên bản làm việc ngày 10/5/2019 bị đơn (ông N) trình bày:*

Ông N có cháu vợ là bà Lâm Thị Kiều O, sinh năm 1986, ngụ tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương có hỏi mượn tiền của bà Nguyễn Thị H. Khi mượn tiền bà H có yêu cầu người làm chứng thì bà O có nhờ vợ ông (tên Lâm Thị Nhung, sinh năm 1976) làm chứng dùm nhưng lúc đó vợ ông N đi bệnh viện nuôi mẹ nên vợ ông có gọi điện thoại về kêu ông N đi làm chứng dùm bà O. Do ông nghĩ bà O là cháu vợ nhờ nên ông có đến nhà bà H ký tên lăn tay làm chứng dùm.

Khi ông N đến nhà bà H thì bà H có giải thích cho ông về việc nếu ông ký vào giấy nợ mà bà O không trả được nợ thì ông N phải có trách nhiệm trả tiền

thì ông chỉ nghĩ bà H chỉ nói chơi vậy thôi nên ông mới cười và ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền ngày 30/8/2018.

Vì ông N không biết chữ nên chỉ biết ký tên lăn tay làm chứng chứ ông không biết đọc nội dung giấy mượn tiền, bà H, bà O cũng không đọc nội dung giấy mượn tiền cho ông nghe. Ký tên xong thì ông đi về, ông không biết bà O mượn bao nhiêu tiền của bà H hoặc việc giao tiền diễn ra như thế nào. Lúc ông đến ký tên làm chứng thì chỉ có mặt ông, bà H và bà O, ngoài ra không có mặt ai khác.

Ông N thừa nhận chữ ký và dấu lăn tay trên giấy mượn tiền ngày 30/8/2018 là của ông, tuy nhiên do không biết đọc, không biết viết, bà O chỉ nhờ ông ký làm chứng nên ông mới ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông N và bà O thanh toán số tiền nợ là 41.200.000 đồng (gồm 40.000.000 tiền gốc và 1.200.000 đồng tiền lãi 3 tháng) thì ông N không đồng ý vì ông N không vay tiền, không nhận tiền gì của bà H.

Ngoài ra ông N không có ý kiến gì khác.

** Bị đơn (bà O) trong quá trình tố tụng đã được Tòa án thực hiện thủ tục triệu tậ*p *và cấ*p *tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà O vắng mặt không có lý do.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn (ông N) đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn (bà O) chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh)". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện ông N, bà O yêu cầu thanh toán số tiền là 40.000.000 tiền gốc theo giấy mượn tiền ngày 30/8/2018. Tại phiên tòa, bà H

xác định ông N mặc dù ký tên trong giấy mượn tiền với tư cách là người mượn tiền nhưng thực chất ông N là người bảo lãnh cho bà O để vay tiền của bà H. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và bảo lãnh)" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà O có nơi cư trú tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; bị đơn ông N có nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông N, bà O theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Bà H cho rằng ngày 31/8/2019, bà O có đến nhà hỏi vay tiền nhưng bà H không đồng ý. Chiều ngày 31/8/2018, bà O và ông N đến nhà bà H thì bà H đã giải thích cho ông N về việc nếu ông N ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền mà bà O không trả được tiền thì ông N phải có trách nhiệm trả. Ông N chỉ cười rồi ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền. Theo nội dung giấy mượn tiền, bên mượn tiền là bà O, ông N, số tiền mượn là 40.000.000 đồng, thời hạn mượn đến ngày 31/10/2018, không có thỏa thuận lãi suất. Sau khi ông N, bà O ký và lăn tay vào giấy mượn tiền thì bà H đã giao đủ số tiền 40.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông N cho rằng, tuy ông đã được bà H giải thích về việc nếu ông N ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền mà bà O không trả được tiền thì ông N phải có trách nhiệm trả, nhưng ông chỉ nghĩ bà H nói đùa và ông cũng không biết chữ, không biết nội dung giấy vay tiền ghi gì nên ông mới ký vào giấy vay tiền ngày 31/8/2019 với tư cách là người làm chứng. Ông không vay tiền hay nhận tiền gì từ bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hợp đồng vay tài sản: Bà H cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 31/8/2018. Theo giấy mượn tiền thì bà O có mượn của bà H số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 30/8/2018 đến ngày 30/10/2018. Xét thấy giấy mượn tiền ngày 31/8/2018 do bà H cung cấp là bản chính. Bà O đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ có liên quan nhưng không tham gia suốt quá trình tố tụng, cũng không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã cấp, tống đạt. Lời khai và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời khai của ông N về việc bà O có đến nhà bà H vay tiền. Do đó có căn cứ xác định bà H khởi kiện yêu cầu bà O thanh toán số tiền 40.000.000 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ hợp đồng bảo lãnh: Cả bà H và ông N đều xác nhận sự việc chiều ngày 31/8/2019 khi ông N đến nhà bà H thì bà H đã giải thích về nghĩa vụ bảo lãnh cho ông N. Ông N không nói gì và ký tên vào giấy mượn tiền. Do đó đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử nhận thấy trong ý chí của bên cho vay bà H đã

xác định từ ban đầu ông N chính là bên bảo lãnh cho khoản vay của bà O. Đồng thời, bà H đã giải thích nghĩa vụ của bên bảo lãnh (ông N) đối với bên nhận bảo lãnh (bà H). Ông N cho rằng ông chỉ ký tên vào giấy vay tiền với tư cách người làm chứng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ ông N đã nghe bà H giải thích đầy đủ nhưng vẫn ký tên vào giấy vay tiền. Do đó có căn cứ xác định ông N là bên bảo lãnh đối với khoản vay 40.000.000 đồng của bà O. Ông N phải thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh khi bên được bảo lãnh (bà O) không thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh (bà H) theo quy định của pháp luật.

[3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa bà H rút yêu cầu về tiền lãi nên đình chỉ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn (bà O) phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 335, 336, 339, 342, 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và bảo lãnh)" của bà Nguyễn Thị H đối với bà Lâm Thị Kiều O và ông Lê Văn N.

Buộc bà Lâm Thị Kiều O có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Trong trường hợp bà Lâm Thị Kiều O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H thì ông Lê Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H đối với số tiền bà Lâm Thị Kiều O có nghĩa vụ thanh toán.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Lâm Thị Kiều O và ông Lê Văn N về yêu cầu tính tiền lãi.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lâm Thị Kiều O phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 1.030.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012968 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh